

ĐÁ NÁT VÀNG PHAI



**ĐẠI TÁ NGUYỄN QUỐC QUỲNH
CHỈ HUY TRƯỞNG ĐẠI HỌC CTCT ĐÀ LẠT**

Kim Thanh/Người Lính Già Oregon

1. Đầu năm 1976, từ trại Long Giao, Nguyễn bị đưa ra Bắc, cùng với các thành phần “ác ôn, có nợ máu” gồm An Ninh, Tinh Báo, Chiến Tranh Chính Trị (CTCT), Cảnh Sát, Tuyên Úy, có cả Tổng Giám Mục Nguyễn Văn Thuận –toàn là hàng độc, dữ dằn, cấm kỵ, dưới mắt Việt Cộng. Gần ba ngàn người bị xếp như cá hộp dưới hai khoang hầm tàu chở than, nguyên của Việt Nam Thương Tín được cải danh Sông Hương. Ai ở đâu là chết dí chỗ đấy, tiểu tiện phải bước qua những thân người nằm rũ liệt, nghe chửi thề inh ỏi khi lỡ đạp lên bụng một ông khó tính, mới đến được hai cái thùng gỗ nhỏ đặt ở cầu thang, lúc nào cũng đầy ứ. Nước uống và lương khô được thông dây xuống, y như cảnh trong một phim buôn bán nô lệ đã xem đâu rồi.

Hai ngày sau cập bến Hải Phòng. Ở đó một đêm, nghỉ lấy sức. Ăn uống và tắm rửa bằng nước đọng, đục ngầu, trong một hố bom B52, lâu ngày, lênh bênh những lá mục và con lăng quăng. Tối hôm sau, được xe lửa dàn chào sẵn, rước về các vùng biên giới, qua ngã Hà Nội và cầu Long Biên. Ra khỏi Hà Nội, trời vừa sáng tờ mờ. Cả đám được xe lửa, hoặc xe molotova phủ mui, nơi nào hết đường ray, chờ tiếp về Yên Bái, Lao Cai, Quảng Ninh... Bọn bè lạc nhau từ đây. Nguyễn đi Hoàng Liên Sơn. Cửa toa đóng kín, mà trời nóng như thiêu, khiến hai ông trung tá chết ngộp, xác vút xuống bên đường. Ngồi xe hơi, thoáng hơn, thì bị trẻ con ném đá (có anh bị bể kính cận), và những bà già Bắc kỳ răng đen mã tấu tóc váy, vung tay, hét lên, xĩa xối, chửi rửa tục tằn, với sự làm ngơ đồng lõa của lũ cán bộ: “Giết hết bọn nguỵ chúng mày! Tiên sư bố chúng mày, chuyên hiệp dâm, cắt cổ người, cướp của, ăn thịt trẻ con... Đồ nguỵ ăn cứt Mỹ...”

Trại Hoàng Liên Sơn, với rừng Fansipan trùng điệp, do bộ đội đảm trách. Những ngày vào rừng hoặc lên núi đốn tre, chặt gỗ, gơ tay vóc từng nắm sương la đà dày đục, ném thử thấy tê buốt – như môi hôn phút chia lìa vội vã. Những đêm lạnh cóng phải đứng ngủ cho bớt run rẩy trong chiếc chăn đơn cũ nát. Trên đường lao động, Nguyễn gặp lại bằng hữu thất tán từ các chiến trường xưa, không hẹn mà được “gom bi” đầy đủ. Nhìn nhau cười như mếu, thăm thía lời huênh hoang của một tên cán bộ: “Các anh có mà chạy đàng giời!” Thịnh thoảng lên núi, Nguyễn và đồng tổ đội gặp một nhóm Biệt kích, bị bắt từ thời Tổng thống Ngô Đình Diệm, đang lao động tự giác, không có vệ binh canh giữ. Họ nhìn đám tân tù binh, vẻ thương hại, lắc đầu thông cảm, nhưng cũng có anh không đành được bực tức, lớn giọng: “ĐM, các anh làm ăn, đánh đấm thế nào mà bây giờ kéo nhau ra đây cả lũ?” Cả lũ xấu hổ, im lặng, không biết trả lời sao, chỉ nghe lòng xót xa bởi câu trách móc không sai chút nào. Nói thế, nhưng khi thấy bọn Nguyễn lóng cóng không buộc chặt nổi bó nứa, họ ùa đến ân cần phụ giúp, hướng dẫn tận tình, hoặc chia cho sẵn luộc và bánh in khô Trung Cộng.

Sức khỏe suy sụp dần. Sau một lần khiêng gỗ té xiủ giữa đường, Nguyễn được chuyển vào đội Rau Xanh, gồm toàn bô lão – còn gọi là đội “sút cán gãy gọng.” Vì còn trẻ hơn và tạm lành lặn, chàng bị nhường ngay chức trưởng tổ phân, gồm bốn tên, chia thành hai cặp, ngày ngày phải luân phiên, lội xuống bên hố tiêu lộ thiên khổng lồ, múc bằng xẻng, cho đủ mười chuyến xe “kút kít”, tức xe “cải tiến”, có

chất lượng, giao cho một tổ khác đem ủ thẳng dưới các luống khoai, hoặc chế biến thành nước tưới rau. Lúc đầu Nguyễn thấy hãi hùng, muốn nôn ọe, rồi ráng nhập thiền mất đi cảm giác, ý niệm, nhìn nhưng chẳng biết đó là cái gì nữa. Ngày đầu, trước khi đám tù “xuất quân” thi hành nhiệm vụ, tên quản giáo lên lớp, giải thích cặn kẽ:

- Có bốn thứ phân: phân bắc, phân chuồng, phân xanh. Các anh phải lấy ba thứ này cho đảm bảo chất lượng. Còn phân đạm, hay u-rê, là phân cao cấp, được nhà nước Liên Xô anh em viện trợ, ta để dành, chưa dùng đến.

Phân chuồng (trâu bò) và phân xanh (lá cây ngâm mục) thì ai cũng hiểu. Riêng phân bắc tên quản giáo không cắt nghĩa. Một anh tổ viên, gốc Quảng, có lẽ đã biết, nhưng muốn câu giờ, gơ tay hỏi:

- Thừa coóng bộ, còn pheng béc là pheng chi rứa?

Tên quản giáo nhìn anh chàng chăm chăm, rồi dần từng tiếng:

- Có thể mà không hiểu. Phân bắc là phân tươi...

- Chớ rứa pheng tươi là pheng chi, coóng bộ ?

- Là cứt chứ còn gì nữa. Hỏi mãi.

Sau khi tên quản giáo bỏ đi, một anh già trong đội, di cư năm 54, chuyên hỏi những câu móc họng:

- Mấy cha biết tại sao tụi nó gọi cứt là phân bắc, mà không là phân nam, phân trung không?

- ?

- Tại vì ở ngoài Bắc của chúng tở, cứt quý như vàng, cho nên tụi nó giành lấy hết, cả trong chữ nghĩa tụi nó cũng không chừa cho ai.

Mới đầu, đa số còn phát biểu linh tinh. Hệ thống ăng ten chưa được thiết lập qui mô. Trong đội Rau Xanh có ông Đại úy Cảnh sát già gân, tên Linh, họ Hoàng. Ông là người Quảng Bình, trực tánh, cả hàm răng chỉ còn dăm ba chiếc, ưa kể chuyện tiếu lâm và chuyện chế độ cũ, nói năng rất “phản động”, thuộc loại điếc không sợ súng. Trong một buổi học tập của đội, ông đã phát biểu, lên án “bọn CTCT ngụy”, vừa nói vừa kín đáo nháy mắt với Nguyễn, như sau: “Bọn ngụy tuyên truyền rất bố láo bố lếu về Bác Hồ vĩ đại, vô vàn kính yêu của ta, ví dụ họ nói

nguyên văn như ri, tổ cha thằng già Hồ Chí Minh là tên giết người bán nước, làm tay sai cho thằng Xịt Ta Lin và thằng Mao Xénh Xáng... Họ xuyên tạc bộ đội anh hùng của ta nguyên văn như ri, là chúng nó ốm đói quá, bầy thằng Việt Cộng đu một cọng đu đủ mà không gãy... Thật là mất dạy hết sức!” v.v... Và cứ thế ông nói dai, nói dài, nói lớn “nguyên văn như ri, như ri”, nước bọt văng tứ phía, với giọng nặng trịch, nhừa nhựa thuốc lào. Tất cả sĩ quan cải tạo xanh mặt, cảm không được, ngồi im, lo lắng cho ông. Phải hơn hai phút sau thằng cán bộ quản giáo mới hiểu ra, lên tiếng cắt ngang, hàm hàm quát bảo ông im ngay. Nó ức lắm, nhưng lúc ấy vì quá bất ngờ chưa biết kết ông vào tội gì. Hôm sau, ông bị dẫn đi “làm việc” khá lâu, rồi bị biệt giam một tháng. Được tha về, ông thấy Nguyễn, đến vỗ vai chàng, tiếp tục mở máy, như cũ, cười hề hề: “Tui đâu ngán thằng mô”.

Sau tám tháng, cả trại bị “biên chế” đi Sơn La, dưới quyền quản lý của Công an chánh hiệu, chuyên nghiệp. Ở chung với tù hình sự, loại “đầu gấu” chuyên giết người, hiếp dâm, trộm cướp. Một vùng đèo heo hút gió, nước độc rừng thiêng, gần Điện Biên Phủ, qua hết dãy núi cao là sang đất Lào. Quanh năm chỉ thấy mây trời lơ lửng và đám người Mán, người Mèo tiếng nói líu lo, mỗi lần xuống núi mặc áo quần sặc sỡ, đàn ông chỉ có việc thổi kèn mở đường, đàn bà phải gồng gánh theo sau.

Cùng trại có các linh mục, cảnh sát, sĩ quan đủ binh chủng, vài nhà văn quân đội như Thảo Trường, Văn Quang, Phan Lạc Phúc, và một số người khác, mà Nguyễn không biết hay không nhớ tên, thường sinh hoạt chung với nhau như một club riêng. Có nhị vị cựu và đương kim Đại tá Linh mục Tuyên úy Lê Trung Thịnh và Đinh Cao Thuấn. Nguyễn nằm kế bên Trung tá Đặng Bình Minh, phi đoàn trưởng phi đoàn trực thăng của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, mùa đông được anh cho một áo jacket nhà binh rằn ri cũ. Cách Nguyễn hai người là Trung tá Vũ Hoài Đức, chỉ huy phó trường ĐH/CTCT, người hiền lành, đạo đức y như Đại tá Chỉ huy trưởng Nguyễn Quốc Quỳnh. Ở một đội khác có một cựu tùy viên của Tổng thống Ngô Đình Diệm, hình như là Lê Tử Hùng (?), đeo kính trắng gọng đen, bự. Ai nấy thiếu ăn, xác xơ, yếu đến nổi, Nguyễn nghĩ, rủ đi vấp viên sỏi, hay ngọn cỏ, cũng có thể té quay lơ. Và bắt đầu thám đòn độc của Việt Cộng: chủ trương cải tạo bao tử, nghĩa là bắt đói triền miên, để chế ngự ý chí, và cả tư cách nữa! Lao

động vinh quang là trồng lúa, sắn, ngô, khoai trên những thửa đất hoang, khô cằn sỏi đá.

2. Hơn hai năm sau, Trung Cộng uy hiếp biên giới, Việt Cộng lo sợ, vội vàng chuyển tất cả về Vĩnh Phú mà chúng gọi là miền trung du, đất tổ Hùng Vương. Hùng Vương ở đâu chả biết, chỉ thấy toàn núi rừng thâm u và bộ mặt kinh niên hắc ám của các cai tù, và những tên Ăng Ten, Trật Tự, Thi Đua ngu ngốc làm khổ đồng đội còn hơn chính kẻ thù. Trại rộng thênh thang chia làm bảy khu, gọi là K, cách nhau trung bình năm, sáu cây số, nằm tít phía sau thung lũng sông Hồng. Từ Sài Gòn ra Vĩnh Phú thăm chòng, các bà “vợ ngục” xem như chặng đường thánh giá mới, phải vượt rừng băng sông, đi đủ các loại xe, kể cả xe trâu và xe đạp ôm. K7 gần nhất, giam riêng các biệt kích. Ở giữa, một K dành cho các thiếu niên phạm pháp, đa số về tội ăn cắp – có đứa chỉ mới tám tuổi. Nguyễn ở K1, xa nhất, tuốt sâu trong núi.

Tại Vĩnh Phú, có anh bạn đồng nghiệp trường Đại Học CTCT Đà Lạt, Nguyễn Ngọc Nhung, Đại úy phòng Khảo Hạch, kiếm đâu ra được chức thủ kho dụng cụ lao động, cũng ám thân. Một hôm, Nhung kể, một tên công an về phách lối đến mượn cái xẻng. Theo thủ tục phải ghi tên vào sổ. Thủ kho, người Bắc, lịch sự hỏi:

- Xin cán bộ cho biết quý danh.

Thằng nọ không hiểu “quý danh”, há mồm, ngơ ngác, suy nghĩ một hồi, rồi đột nhiên sùng sộ:

- Anh vi phạm lỗi qui. Ai cho anh lối tiếng lược ngoài hử?

Nhung sững sốt, á khẩu. May phước, nhờ các bạn tù xúm vào thông dịch giùm, anh mới thoát nạn, sau khi bị xỉ vả tận tình:

- Giờ lày mà còn ôm chân đế quốc, lối tiếng nóng...

Nguyễn Ngọc Nhung không phải là trường hợp duy nhất. Bọn cai tù Việt Cộng là chúa nghi ngờ, nhạy cảm và mặc cảm. Một câu nói vô tình, vô tội, đùa vui cũng bị “nâng cao quan điểm” và những phát biểu viên linh tinh đều bị gọi lên “làm việc” tận tình. Một thiếu úy trẻ, một bữa trưa Chúa Nhật nghỉ lao động, vừa phơi chiếu bắt rệp vừa cao hứng hát bài “Giết người trong mộng” và gào lên thống thiết, giết người đi, giết người đi, bị ăng ten báo cáo và tên quản giáo xuống điều tra, qui tội phản động, âm mưu sát hại Cách mạng, và xách đi biệt giam một tuần lễ. Hay một

anh khác, không hiểu sao, bực mình chuyện gì, một hôm, lớn tiếng chửi đổng: “ĐM thằng Mỹ thằng Thiệu”, cũng bị buộc tội “tu tưởng còn lẩn cán, anh tức giận bọn Mỹ-Thiệu là vì chúng nó bỏ rơi anh, chứ gì, đúng không?” Hay các linh mục tuyên úy trồng cây cột, đóng với một thanh gỗ ngang, để căng dây phơi quần áo, cũng bị kết án cố tình dựng cây thánh giá và bị bắt tháo xuống và viết tờ kiểm điểm.

Ở trại mới, Nguyễn “được” chỉ định về đội Nông Nghiệp. Phải lội vào một thửa ruộng bỏ hoang từ bao đời để theo phiên kéo cày thay cho trâu bò. Nước bùn đen đặc quánh, đĩa bơi lổn ngổn, thò chân xuống thấy lạnh buốt và ghê rợn – làm chàng nhớ các đầm lầy cũng kinh khiếp dưới những tầng cuối địa ngục mà thi hào Ý Dante Alighieri phải vượt qua với Virgile, trong Inferno. Ba hôm sau, một số đội viên – có Đại úy Cảnh sát Phạm Bá Diêm, bạn thân từ trại Sơn La – lên con sốt cấp tính, chỉ hai ngày là hôn mê, rồi chết. Người sống sót rụng dần lông chân, không bao giờ mọc lại được nữa. Phải mất thêm vài mạng, đội mới có lệnh “giải thể.”

Thửa ruộng lại bị bỏ hoang, Nguyễn trở về đội Rau Xanh, như hồi ở Hoàng Liên Sơn, lại vào tổ mức phân, lần này giao cho thợ bón kiêm tưới viên là phi công Air Vietnam Trí (Nguyễn Hữu?), trung tá biệt phái. Nói chuyện mới biết Trí bay đường Hồng Kông và Tokyo, có chuyện với Bội Trân, em gái Nguyễn, mà anh tả đúng hình dáng, nên chàng tin lắm. Chim bằng gãy cánh, Trí tiếc nhớ trời xanh, giờ giải lao ngược nhìn lên cao, uất ức, thở dài...

3. Tết đầu tiên tại Vĩnh Phú, trại được nghỉ lao động ba ngày, và tự do đi lại các khu vực. Nguyễn tìm đến dãy nhà giam riêng “bò lục” (tiếng lóng chỉ đại tá) để thăm Đại tá Nguyễn Quốc Quỳnh, vị chỉ huy trưởng kính thương của trường Đại Học CTCT Đà Lạt – nơi mà chàng được phục vụ gần ba năm trong chức vụ Trưởng khoa Nhân Văn Xã Hội và Sĩ quan Phụ khảo cho đến ngày tan hàng. Nguyễn thấy ông cũng vừa bước ra sân, nơi đang diễn nhiều trò vui do tù bày ra để giết thời gian và nỗi nhớ nhà. Ông nhận ra chàng ngay. Chung quanh rất đông người, và dĩ nhiên ăng-ten được rải đầy. Gặp ông, chàng mừng quá, nói lớn:

- Chào bác, bác vẫn khỏe chứ ạ?

Ông nắm tay chàng một lúc lâu, và chậm rãi nói, giọng xúc động:

- Cảm ơn anh, tôi vẫn khỏe. Còn anh thế nào, có bệnh hoạn gì không? Tôi biết anh ở đây lâu rồi, mà không gặp được.

Nguyễn cố nuốt những giọt lệ làm nghẹn cổ họng, xót thương cho phận vàng phai đá nát. Cho đất nước bất hạnh. Cho cả chính mình. Hồn bỗng rung rung, thầm gọi tên một thời yêu thương, và thù hận, tưởng đã chết theo cùng với mùa xuân tang tóc và những giấc mơ phai. Một thời vì ông chợt hiện về nguyên vẹn. Như mới hôm qua...

Sài Gòn, đầu tháng 5, 1975. Hai ngày sau khi đứng nhìn từ một góc đường Lê Văn Duyệt, uất giận, và nước mắt lưng tròng, những chiếc xe tăng chở đầy Cộng quân vào thủ đô, nghe tên nằm vùng Trịnh Công Sơn hờn hờ ca mừng chiến thắng, kêu gọi nổi vòng tay lớn, và chạy tới chạy lui dò la tin tức người thân, bạn bè ai còn ai thoát, Nguyễn tìm được địa chỉ của ông và đạp xe đến thăm cùng với hai cựu SVSQ khóa 4, Nguyễn Gia Hưng và Nguyễn Dự, tình cờ gặp lại trên đường. Phu nhân và cô con gái, vì quen mặt hồi ở Đà Lạt, tiếp ba người không e dè. Đại tá Quỳnh ra phòng khách, áo sơ mi bỏ trong quần tây, chân đi xăng đan. Trông ông mệt mỏi, có vẻ chán nản, dù bề ngoài vẫn giữ phong cách nho nhã, lịch sự cố hữu. Cả khách lẫn chủ không nói gì nhiều. Có lẽ trước thảm họa chung ai cũng có nỗi ưu tư riêng, cùng nặng nề như nhau. Suốt ba hôm liền, Nguyễn bị hồi hận dày vò, tự trách đã vụng suy, khí khái hão, không nghe lời cô em tiếp viên hàng không đưa gia đình lên chuyến Air Vietnam cuối cùng, và sau đó, chuyến Galaxy của một viên phi công Mỹ bất ngờ gặp em tại Tân Sơn Nhất, và có cảm tình với em. Khiến tất cả đành phải ở lại, dặt dứu nhau trở về Nha Trang để thấy cửa nhà, tài sản rơi vào tay bọn cách mạng 30 –hạng khổ rách áo ôm trước kia đã chịu ơn ba mẹ, nay trở mặt, gán lên đầu đủ thứ tội. Còn Đại tá Quỳnh, chàng không biết ông đang cảm gì, nghĩ gì, vì suốt buổi chỉ nghe ông lặp đi lặp lại:

- Không thể ngờ nhanh như thế!

Đâu phải mình ông. Không ai ngờ, kể cả Dương Văn Minh, viên tướng thiếu tài, khờ dại, được sinh ra chỉ để phản bội và bọn “hàng thần lơ láo” tại dinh Độc Lập trưa ngày 30/4. Kể cả lũ vợ người khoác lác ở Bắc bộ phủ. Kể cả tên đồng minh Kissinger xảo quyệt, tác giả của cái gọi là hiệp định Paris quái gở bán đứng Miền Nam, người được báo chí Mỹ bom lên như nhà ngoại giao vĩ đại, nhưng thực

chất chỉ là một anh trí thức cơ hội chủ nghĩa và đầy ảo tưởng, chưa tiêu hóa kịp những bài học bang giao quốc tế ở trường Harvard. Kể cả anh tướng hai sao và ba hoa nọ đã thê thốt ở lại để ăn măm tôm cà pháo với đồng bào (di cư Tân Sa Châu), vậy mà vào phút chót nhờ có trục thăng riêng mới vọt ra được hạm đội Mỹ. Không thể ngờ nhanh như thế! Chàng chỉ biết gật đầu, đồng ý với ông. Cuối cùng, cất tiếng hỏi:

- Đại tá có ý định sẽ làm gì ?

Ông lưỡng lự vài giây, rồi trả lời:

- Tôi chưa biết sẽ phải làm gì. Nhưng ở hoàn cảnh nào tôi cũng chấp nhận những gì tệ hại nhất sẽ xảy đến cho tôi.

Như là mặt trái của bốn phận và vinh quang, chàng hiểu như thế qua những lời chậm rãi, đăc đo của ông. Những lời chàng nghe quen từ đâu rồi bỗng mang một ý nghĩa cao đẹp, phi thường trong bối cảnh bấy giờ. Những lời đã theo chàng suốt tám năm đầy ải, và cùng với hình ảnh của Guillaumet, viên phi công lâm nạn lâm lũi bước lê trên cát sa mạc, không chịu ngồi chờ chết, trong Terre des hommes của Saint-Exupéry, đã khích lệ, vực chàng đứng dậy để tiếp tục sống còn. Nguyễn cảm động, và khi từ biệt, siết chặt tay ông, nói nhỏ:

- Có một điều Đại tá nên chắc chắn là dù ngày mai ra sao tôi sẽ không bao giờ quên Đại tá và những gì Đại tá đã làm cho tất cả chúng tôi.

Và cho riêng chàng. Ông là một chỉ huy trưởng nhân hậu, có đức có tài, hơn ai hết, đã làm tôi thấy yêu thích và kiêu hãnh với đời quân ngũ không chọn lựa. Một chỉ huy trưởng quả cảm và xứng đáng, có tinh thần trách nhiệm cao độ –quyết ở lại với thuộc cấp cho đến phút cuối, mặc dù nghe nói ông có một người con rể là đại tá không quân Mỹ và có dư phương tiện để tẩu thoát một mình như đám tướng lãnh tham sinh úy tử kia –đã nhanh chân đào ngũ trước khi tai họa giáng xuống. Quả vậy, chín giờ sáng 30/4, tại Tiểu đoàn 50 CTCT, đường Phan Đình Phùng, bấy giờ là bộ chỉ huy tiền phương của trường Đại Học CTCT, ông vẫn chỉ thị các sĩ quan hiện diện và sinh viên sĩ quan các khóa tiếp tục chiến đấu và phòng thủ, để rồi, cuối cùng, phải buông súng, bất lực trước mệnh nước. Chàng không bao giờ quên được khẩu lệnh cuối cùng, ngán ngùi, thật buồn bã của ông cho ban tham mưu, sau khi Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng:

- Phát hết lương khô và cho anh em tan hàng!

Hơn hai năm phục vụ trường Đại học CTCT, không biết bởi chủ quan chẳng mà Nguyễn có cảm tưởng được ông biệt đãi. Cả Alain Bichet, giáo sư Lycée Yersin, mà chàng giới thiệu như một người bạn quý, cũng được ông dành cho cảm tình nồng hậu, và ngược lại. Ngoài ra, ông chẳng những chấp thuận, mà còn khuyến khích, chàng dạy vài lớp Pháp văn tại Viện Đại Học Đà Lạt, do lời mời của Phó Khoa trưởng Văn Khoa, Tiến sĩ Sử Nguyễn Hồng Giáp – một bạn học cũ – mới từ Paris về, và sau này, qua trung gian của chàng, nhận dạy một lớp cho trường CTCT. Rồi đến mùa văn hóa chàng được ông mời dự tiệc với các giáo sư tại tư thất và thỉnh thoảng nhờ đưa đón họ bằng chiếc Peugeot 203 bụi đời của chàng. Khi giáo sư Xã hội học Phạm Thị Tụ bận, không lên Đà Lạt nữa, ông bổ nhiệm chàng dạy thay bà, bắt đầu năm cuối của khóa 4. Những sự việc trên, chàng xem như vinh dự, nếu không nói đặc ân, nhận được từ Đại tá Quỳnh, dù chàng biết ông đối xử công bằng, tử tế, dễ thương với tất cả mọi người, không riêng ai... Và một chuyện, rất cá nhân, chàng còn nhớ mãi.

Hè 1974, trường mở cuộc thi tuyển khóa 6. Nguyễn được cử làm trưởng trung tâm Nha Trang. Các bài thi được mang từ các trung tâm về trường để các sĩ quan Văn Hóa Vụ chấm. Mẹ chàng gửi gắm con bà sui gia, tức em chồng của một cô em chàng, Thê Trân, kèm theo nửa mảnh giấy nháp do anh ta viết để chàng thuộc nét chữ. Chàng “dạ” cho qua chuyện, vì biết trước sẽ chẳng làm gì cả. Xưa nay chàng vốn ghét việc ăn gian với chữ nghĩa, nhất là “quay phim” trong trường thi, hoặc cuồn bài người khác, xào nấu lại thành của mình, để in báo hay đọc trên đài phát thanh, như một số “văn sĩ” hải ngoại đang làm. Kết quả, con bà sui gia rớt, chàng đoán thế, vì không thấy tên trên bảng. Mẹ và em gái lúc đó có mặt tại Đà Lạt, ở nhà chàng, chắc cũng biết, nhưng không nói năng gì. Hôm sau, Đại tá Quỳnh cho gọi chàng lên. Ông đưa chàng xem ba bài Pháp văn rọc phách, không đề tên, đều bị hai con số không to tướng. Và nhỏ nhẹ bảo:

- Mẹ và em của Đại úy sáng nay có đến gặp tôi, xin vớt một người bà con được đỗ kỳ này. Tôi xem lại điểm thì thấy anh ấy và hai người nữa bị loại vì bài Pháp văn. Đại úy chấm rất đúng, vì họ trả lời kém thật. Tuy nhiên, Đại úy xem có thể nâng điểm lên cho thân nhân của Đại úy, và vì anh này, cho hai người kia nữa được đỗ không?

Sự việc quá bất ngờ, chàng chưa biết trả lời sao, thì ông vội tiếp, vẫn nhỏ nhẹ:

- Nhưng điều ấy cũng tùy Đại úy thôi. Tôi không có quyền gì.

Suy nghĩ vài giây, chàng mới lên tiếng hỏi:

- Đại tá thấy họ cần bao nhiêu điểm nữa?

Ông nói từ 3 đến 4. Chàng bèn sửa, và ký tên trước mặt ông. Sự tế nhị và lòng độ lượng của Đại tá Quỳnh làm mẹ và em chàng cảm phục, hân hoan. Riêng chàng thâm cảm ơn ông đã khéo léo giải quyết mọi chuyện êm đẹp, nếu không chắc phen này chàng “khó sống” với mẹ, bà sui gia, em gái. Tại bến xe đi Nha Trang, khi hôn từ giã chàng, Thế Trân bỏ nhỏ vào tai:

- May phước còn có ông Đại tá chỉ huy trưởng của anh... Anh lý tưởng vừa chứ. Mẹ giận anh lắm đó, nói sẽ cúp viện trợ cho anh... Anh liệu lời xin lỗi mẹ đi!

... Thế rồi, mỗi người chia một nẻo. Ông cũng đi trình diện “cải tạo” ở một nơi nào đó. Chàng bị tống vào Long Giao để gặp lại gần toàn bộ sĩ quan Đại Học CTCT, trong số có người bạn thân, Đại úy Đỗ Huy Hoàng, chủ bút tờ Úc Trai của trường. Những chiều lao động về rảnh rỗi, chàng mò sang đội của Hoàng, hoặc ngược lại, để tâm sự vụn cho bớt nhớ nhà. Nhất là bớt tức. Có cái gì uẩn ức, hằn học nằm trong tiềm thức của mỗi tên tù. Đau xót và căm giận còn hơn bị tình phụ. Nhưng không biết tức ai. Lãnh đạo hèn nhát đã cao bay xa chạy. Thù hận Cộng Sản thì chẳng ai dám hé môi nói với ai. Cuối cùng, chỉ có Thượng Đế lãnh đủ những lời ta thán, chửi thề băng quơ. Trong câu chuyện, chúng tôi điểm mặt từng người quen, và khi biết toàn trường vào tù, cả hai cùng thở dài, ngán ngẩm. Nguyễn còn gượng chọc Hoàng:

- Úc Trai hay Úc Gái gì rồi cũng chui vô rọ hết!

Tại Long Giao, chàng ở cùng đội, cùng tổ với Đặng Phùng Hậu, bác sĩ trưởng bệnh xá trường Đại Học CTCT, và một nhóm quân y. Cả tổ, vì tự ái, tự trọng, không ai than vãn về chuyện ăn uống, đói khát trong tù, kể cả sau này khi viết hồi ký. Hậu vui tính, kể đủ chuyện, nhờ vậy những ngày ảm đạm, bức bối qua khá nhanh. Mỗi tối, Hậu thì thầm nói chuyện với chàng về thời cuộc, và lần nào anh cũng lẩm bẩm kết thúc bằng câu:

- Địt cụ, đau như hoạn, tức như bò đá!

Bên dãy cấp tá có Lê Ân, thiếu tá Văn Hóa Vụ trưởng của trường. Những lần thấy nhau qua hàng rào kẽm gai, ông lộ vẻ mừng rỡ, rồi lắc đầu nói, giọng Quảng lai Huế rất trademark của ông:

- Cháng gướm (chán gớm)!

Trong câu chuyện, anh em thường hỏi nhau về Đại tá Chỉ huy trưởng. Không ai biết chính xác ông ở đâu. Có tin ông đã chết. Hoặc đang ở ngoại quốc. Hoặc trốn trong một khu rừng. Nhiều đêm trằn trọc, Nguyễn khổ tâm vì dĩ vãng, cứ ám ảnh mãi, như cuộn phim quay lại, tự động, chậm chạp, lê thê. Nhớ không sót từng khuôn mặt, từng buổi giảng dạy, từng dịp lễ. Nhớ từng đêm Giáng sinh giá buốt và tiếng chuông nhà thờ ngân nga, từng buổi dạ vũ tung bừng, một nhòai, từng con phố chìm trong sương mờ che khuất nẻo đường về...

Bây giờ Đại tá Quỳnh đứng đó, bên Nguyễn, giữa một ngày xuân héo hon. Người gầy nhom, gương mặt hốc hác, má trũng sâu. Nhìn lại hình hài mình, chàng thấy đau hơn gì. Chỉ một thoáng mơ, bỗng hiện về trong đáy hồn rời rã cả khung trời yêu thương Đà Lạt và kỷ niệm rực rỡ của tháng ngày cũ có hạnh phúc còn thơm hương mimosa, có tình yêu chưa biết nói lời phản trắc, có một Đại tá Quỳnh uy nghi trong quân phục đại lễ gắn cấp hiệu cho sinh viên các khóa, nay còn đâu! Mới có bốn năm vật đổi sao dời mà cả hai đã trở thành thảm hại đến thế ư? Ông mặc bộ treillis bạc màu, chân đi dép râu, sau lưng viết chữ Quỳnh thật to bằng mực tím. Thấy không ai để ý, Nguyễn bèn hỏi rất khê:

- Đại tá nghĩ sẽ có ngày về không?

Ông lấy tay che một bên tai, có vẻ chú ý lắm mới nghe lọt hết. Và trả lời nhanh, chắc ngại đám ăng-ten cứ lượn qua lượn lại trước mặt:

- Tôi nghĩ là rất khó lòng, mặc dù vẫn cố hy vọng. Điều quan trọng là anh gắng giữ gìn sức khỏe tốt để có sức chịu đựng. Gặp anh em khác cho tôi gửi lời thăm!

Một thằng sà tới. Nguyễn vội nói lớn:

- Bác được thư gia đình thường chứ ạ?

Đại tá Quỳnh chưa kịp đáp thì hấn đã gay gắt bảo Nguyễn, giọng trợ trợ:

- Tôi lưu ý anh, không được quan hệ với các anh đại tá.

Chàng phản pháo liền:

- Nhưng anh là ai? Hôm nay ngày Tết được miễn!

Thằng nọ mặt hầm hầm, lớn tiếng:

- Tôi ở trong ban Trật Tự. Đề nghị (tiếng Việt Cộng có nghĩa “yêu cầu”) anh chấm dứt quan hệ linh tinh.

Chàng quay sang Đại tá Quỳnh :

- Thôi, xin từ già bác, chúc bác mạnh khỏe, bình an trong năm mới.

Rồi nhìn thẳng mặt thằng Trật Tự, giận dữ bỏ đi. Nguyễn gặp Đại tá Quỳnh được một tháng thì hai đội bò lục –đội trưởng là Lê Đình Luân và Dương Hiếu Nghĩa– chuyển xuống K5, cách đó độ sáu cây số, cùng với các linh mục tuyên úy mà bọn Công an đặc biệt căm thù.

4. Rồi một hôm, mẹ chàng lặn lội đến thăm, có Bội Trân hộ tống. Lần đầu được phép, sau năm năm nộp đơn và chờ đợi. Mất ba ngày đường trên hai chuyến xe lửa từ Nha Trang ra Hà Nội, từ Hà Nội lên Âm Thượng. Qua sông Hồng bằng phà máy, tới K1 bằng xe trâu. Tại nhà tiếp tân, lúc đó khá đông người, ba mẹ con ôm nhau khóc, rồi nói cười, mừng mừng tủi tủi, trước những cặp mắt cú vọ của lũ vệ binh và quân giáo. Mẹ thút thít, xoa nắn hai cánh tay và ngực chàng, như lúc nhỏ chàng từ Sài Gòn về quê Nha Trang nghỉ hè, chê con gầy quá, tội con quá! Tóc mẹ bạc hơn nửa mái đầu, da sạm nắng, tay nổi gân xanh. Suốt năm, Bội Trân nói, mẹ đi thăm nuôi “mệt nghỉ” rồi lo tìm đường cho con vượt biên, làm sao mà không già yếu cho được. Ba ông con trai lớn và một chàng rể tương lai đi cải tạo bốn nơi khác nhau, cô con gái áp út, Huyền Trân, bị bắt ngay trên ghe nhỏ, giam tại A30. Cả nhà bị chúng nó theo dõi sát nút. Chỉ có ba đứa thoát được, mẹ cho biết, gồm Thế Trân đi với gia đình chồng, và sau đó, hai thằng út, còn nhỏ, được một người quen trong xóm cho quá giang ghe, và đang ở Mỹ.

Bội Trân đẹp như trước kia, nổi bật giữa phòng tiếp, dù thôi trang điểm. Nhưng tóc cài hờ hững, mắt buồn vời vợi, mất hết vẻ hồn nhiên, tinh nghịch cố hữu, khiến chàng ngậm ngùi tưởng đến những mỹ nhân tự thưở xưa hương sắc không phai giữa gió đời vùi dập, kiêu sa trước nghịch cảnh, như các nhân vật nữ trong những vở bi kịch Hy Lạp cổ. Em kể, và mẹ lắng nghe, thỉnh thoảng gật gù đầu, đồng ý:

- Nhà mình bị tịch thu được chúng nó trả một nửa, nửa kia làm trụ sở thanh niên phường. Ba làm rẫy, mẹ lén nấu rượu chuối cho ba uống, thay Martel. Em phụ bán

nước mía với em Huyền Trân. Chị Thế Trân được tàu Pháp vớt, gần Mã Lai, hiện định cư tại Nanterre với chồng con. Chị vẫn nhắc chuyện anh cho cậu em chồng hai quả trứng vịt lộn trong kỳ thi ở trường Chiến Tranh Chính Trị và ông Đại tá chỉ huy trưởng hiền từ của anh. Chị nói anh ngang tàng, đôi lúc chị tức anh lắm, nhưng vẫn thương anh, hơn bất cứ ai, bởi anh là mẫu người của đàn ông, có chết cũng không than van, xin xỏ, lúc nào cũng bất cần, kiêu hãnh, giống như con chó sói bị thương trong bài “La mort du loup” của Vigny mình học năm nào đó... Anh nhớ không, hồi nhỏ, một lần anh đánh lộn với mấy thằng lỏi xóm chuyên chặn đường chọc ghẹo tụi em, bị chảy máu mũi, mất sung vù, mà anh vẫn cắn răng chịu đau, không khóc, lại còn bị ba mắng cho nữa...

Chàng lắc đầu, cười buồn. Ôi, xa rồi kỷ niệm, nhắc làm chi hồi em? Và đôi đê tài:

- Em đã đi thăm Kha chưa? Anh không biết Kha hiện ở trại nào.

Kha là hôn phu của Bội Trân, phi công A37, dưới chàng hai lớp ở Jean-Jacques Rousseau. Sắp cưới thì mất nước. Vì Bội Trân ở lại, Kha cũng không đi.

Nghe chàng hỏi, Bội Trân chớp mắt, buồn rầu nhìn ra sân. Bầu trời thấp, đục, giăng mây xám, như sắp đổ mưa. Gió rừng tuôn qua vách nửa ngập gian nhà trống trải, không liếp che, lạnh từng cơn. Em thì thầm:

- Mẹ và em đã ghé thăm Kha ở Hà Nam Ninh trên đường lên anh đây. Cũng tàn úa, như anh, như mọi người, sức khỏe giảm sút nhiều... Em sẽ chờ Kha, bao lâu cũng được.

Chàng quay sang mẹ, bùi ngùi nói:

- Tất cả đều do lỗi của con. Phải chi ngày đó con biết nghe lời em đưa gia đình...

Mẹ ngắt lời:

- Cả nước đều lầm, đâu phải mình con. Chuyện cũ, thôi đừng nghĩ đến nữa.

Bội Trân tiếp:

- Nhưng có thể này em mới được thất nghiệp, về ở hẳn với ba mẹ chứ! Em vẫn thương anh và hãnh diện vì anh.

Mẹ và em nói đủ thứ chuyện, nhưng không đề cập đến một tin chàng mong chờ mà ngại ngùng không dám hỏi. Dường như hiểu ý, lúc mẹ quay qua tiếp một bà đồng hành ngồi cùng bàn, Bội Trân nắm bàn tay chàng, siết chặt, và khẽ nói:

- Lê Ngà đã lấy chồng. Hai năm sau khi anh ra đi. Em đâu ngờ!

Tự dưng chàng buột miệng, không chút mĩa mai:

- Hai năm là còn khá thủy chung đấy chứ em!

Nguyễn tưởng sẽ phải đứng tim, ngất xỉu. Nhưng lạ quá, chỉ thấy buột nhói một chút như kim châm. Có lẽ vì đã chuẩn bị đón nhận sự thật từ quá lâu, từ năm năm rồi. Một thiên thu. Chợt nhớ một anh bạn Thiết giáp vừa vào Long Giao mấy tháng đã nhận được thư vợ xin anh cho phép “bước thêm bước nữa” và ký vào tờ đơn ly dị và giấy nhường tài sản kèm theo, và cả đời chàng không quên được giọng cười khinh bạc của anh sau khi viết trả lời: “Nhất trí. Cho cô hết. Nhưng khuyên cô không nên bước, mà nên chạy cho nó nhanh.”

Chàng không phản ứng lạnh lẽo được như anh ta. Bởi vô vàn kỷ niệm ngát hương ngày mới yêu ủa về, thay nhau vỡ như bong bóng. Lê Ngà. Bạn học thân thiết của Bội Trân. Tà áo thiên thanh và dòng tóc buông lơi trong nắng sớm phi trường Liên Khương, những lần em bay lên gặp anh. Lê Ngà. Những chiều đi dưới mưa lất phất qua những đôi thông, em hát nhỏ nhỏ bài “Le jour où la pluie viendra... Ngày mà mưa đến, sẽ có bao nhiêu là giọt kim cương cho tình ta...” Những ly rượu Bordeaux sóng sánh ngọt lịm môi em, trong quán L'eau Vive, và bản sonate 23 của Beethoven, Appassionata, trên phím dương cầm, thánh thót như từng giọt lệ rơi, thiết tha như lời tuyệt vọng gọi người tình về. Những vòng tay cuồng quýt tìm nhau trong hoàng hôn tím trên đồi Cù. Những lời thề nguyện yêu đương cho đến lúc đầu bạc răng long. Lê Ngà. Hạnh phúc dối gian và ảo vọng phù du. Nguyễn nhắm mắt giây lâu, nghe vị đắng và cơn giận thấm dần xương tủy. Và thở dài nhẹ nhẹ, nhìn Bội Trân, không nói. Đâu phải tình cờ em nhắc đến con chó sói bị thương, cùng đường, của Vigny.

Em tiếp, giọng trầm buồn:

- Không hiểu sao Ngà biết em sắp đi thăm anh. Đến gặp em, lần đầu tiên sau mấy năm biệt tích. Em không nở đuôi. Khóc suốt buổi, nhưng không nói một lời gì về anh. Khi chia tay, Ngà nhờ em trao hộ cho anh những phong chocolat Meunier mà chị ta nói ngày xưa anh rất thích, và cho em một số tiền làm lộ phí, nhưng, dĩ nhiên, em đã không nhận gì hết... Em biết tính anh quá mà!

Chàng nói cảm ơn em. Rồi cả hai im lặng, đuổi theo những ý nghĩ riêng...

Hai giờ trôi qua mau. Tên cán bộ vén tay áo xem đồng hồ, bảo tất cả chuẩn bị ra về, vác quà vào trại. Khi ôm hôn từ biệt chàng, lợi dụng tiếng ồn ào, Bội Trân nói nhỏ, một hơi, thật nhanh, qua màn lệt, bằng tiếng Pháp:

- Ba dặn anh đừng tin bọn Cộng sản, đừng khai thật, khai sao lặp lại y như vậy, đừng tin các phong trào phục quốc, tất cả đều là cạm bẫy của Việt Cộng. Em nghe đài VOA và BBC nói các nghị sĩ, dân biểu Mỹ, và cả thế giới đang quan tâm đến số phận của các anh. Đừng tuyệt vọng nghe anh. Nhớ đọc kinh, cầu nguyện xin Chúa và Đức Mẹ che chở. Cả nhà chờ anh đó. Em thương anh. Je t'aime toujours. Toujours.

5. Mẹ và em về hơn hai tháng, Nguyễn được chỉ định vào đội Xây Dựng, có nhiệm vụ cất nhà ở cho tù, cán bộ, và heo, và bắc cầu qua suối cho dân. Lúc đầu chàng phụ tá cho Thiếu tá Lưu Ninh, dễ thương, vui tính, trong tổ vừa (trộn hồ), và sau khi Ninh qua “khâu” lợp chàng được thăng chức tổ trưởng, và tổ phó là Đào Văn Bảnh, Trung tá Bộ Tổng Tham Mưu. Bảnh tính tình điềm đạm, cởi mở, sau trở thành một trong những bạn tù thân thiết nhất. Không có tổ viên. Suốt ngày hai tên hí hục trộn hàng đồng vừa lớn, nhỏ, để sẵn, chờ một toán đem xe cải tiến, do ông nhà báo Việt Tấn Xã Đinh Phụng Tiên chỉ huy, đến xúc giao cho các thợ xây. Trong đội, nằm cạnh chàng, có Đại đứ Nguyễn Long, đứng tuổi, quê Quảng Ngãi, lo nấu nước, làm tạp dịch. Ông hiền lành, thật thà, ưa giúp đỡ mọi người. Nhiều đêm, vài anh nổi hứng, oang oang kể chuyện đàn bà con gái, chơi bời trước kia. Ông cũng bị nghe, và lần nào cũng lầm rầm bên tai Nguyễn:

- Mô Phật! Chơi chi mà chơi dữ rứa hè!

Bữa nọ, một bà già khu gia binh cho đội một con chó con vừa chết. Một anh Đại úy Cảnh sát Đặc biệt, gốc Hồ Nai, xung phong trở tài nấu rựa mặn với muối, rau muống, và củ riềng –mọc đầy hai bên đường. Mỗi người được chia hai miếng to bằng ngón chân cái. Ai cũng “hồ hởi” ăn, trừ Đại đứ Long. Ông đi tìm Nguyễn, cho phần của ông, mặc dù quanh năm, cũng như ai, ông thiếu chất thịt và chưa được thăm nuôi. Ông nói:

- Tui còn tu. Anh ăn giùm cho!

Đổi lại, Nguyễn tặng ông phần sấn, nhưng ông nhất quyết không nhận.

Một hôm, đội được điều động làm công tác “đột xuất” (bất ngờ) là ra “nghĩa địa”, tức một bãi đất trống sát chân núi, làm cỏ và cắm mộ bia cho các anh em đã nằm xuống. Nguyễn đếm gần hai trăm mộ – kỳ thực chỉ là những nắm đất vùi sơ với mảnh gỗ nhỏ ghi vội tên người chết. Trong số có vài ông tinh trưởng, trung đoàn trưởng. Có Trung tá Nguyễn Văn Năm, thuộc trường Đại học CTCT, người hiền như Bụt, nổi tiếng về khoa bói toán, bảm độn, và một người quen biết từ Sơn La, Trung tá Đặng Bình Minh – cả hai trúng nắng cùng một lúc ngoài hiện trường lao động, được chở về trại cùng trong một chiếc xe trâu, hôn mê và qua đời cùng một giờ. Anh em kể, vợ phi công Minh, một dược sĩ trẻ đẹp, từ Hà Nội trở lại thăm nuôi tiếp, đúng lúc anh vừa mất, được dẫn ra nghĩa địa, khóc như mưa, rồi cắt tóc để lại trên mộ cùng với một bài thơ. Nguyễn vừa dọn cỏ vừa thầm khấn các anh phù trợ cho tất cả tai qua nạn khỏi và mau về sum họp với gia đình. Và thắc mắc không hiểu sao bữa nay bọn cai ngục lại tử tế đối với tù binh quá cố như vậy. Thì ra, về sau mới biết, có một phái đoàn cao cấp Bộ Nội Vụ đến thăm trại.

Cuối năm 1980, cả đội của Nguyễn được điều động đến K5 xây hội trường và khu gia binh cho công an. Tại đây, Nguyễn vui mừng được thấy lại Đại tá Nguyễn Quốc Quỳnh, mỗi buổi sáng tập hợp. Kỳ này, trông ông đỡ tiêu tụy. Tết 1981, mẹ chàng và Bội Trân ra Vĩnh Phú lần thứ hai, với Huyền Trân, cô em út xinh đẹp vừa tròn mười tám. Chàng soạn bánh mì khô, đường và mì gói, mấy viên thuốc cảm, bỏ vào một bọc ni-lông, chờ buổi chiều các đội đi tắm suối chung lên đến phía các bò lục, gặp Đại tá Quỳnh trao cho ông, nói:

- Tôi mới được thăm, xin biểu Đại tá.

Hai tháng sau, đến lượt ông được thăm, và một buổi sáng Nguyễn đang đánh vữa thì đội của ông đi ngang. Ông gật đầu ra dấu cho chàng đến sát hàng rào kẽm gai và dúi vào tay một gói lương thực khô đủ loại. Thằng vệ binh thấy được, chạy tới khám. Không có thư từ, mật hiệu, nó trả lại, mồm càu nhàu:

- Quà với cấp linh tinh!

Lúc này, tổ vừa làm việc gần bếp và giếng nước cơ quan. Một hôm, một trung sĩ công an còn trẻ, lạ hoắc, lén vệ binh, đến gần, run run hỏi nhỏ:

- Các anh có B6, cho tôi xin một ít. Vợ tôi mới sinh bị phù (thũng) nặng.

Việc xảy ra đột ngột, Nguyễn và Bảnh đưa mắt nhìn nhau, không đáp, sợ bị gài bẫy. Anh ta vội tiếp:

- Nói thật đây mà! Không tin, các anh cứ vào đây xem.

Suy nghĩ một hồi, Nguyễn đánh liều đi theo anh ta, còn Bảnh ở lại canh chừng đồng vữa và tên vệ binh. Vào nhà, thấy chị vợ da mét xanh, mặt mày, tay chân sưng húp, nằm bên đũa con đỏ hồng, bé hơn con chuột nhất. Chị ta nói thuốc bệnh xá cấp thiếu, và không có thức ăn bổ dưỡng.

.

Hai đũa phân vân mãi. Đối tượng giúp đỡ phải là bạn tù chứ, của đâu mà lo cho Công an! Nhưng hầu hết anh em đều đã được thăm nuôi, hoặc nếu chưa, đã được Bảnh, Nguyễn và bạn bè chia sẻ phần nào rồi. Cuối cùng, động lòng trắc ẩn, cả hai góp lại được chừng năm mươi viên B6 để dành từ các lần tiếp tế, đã quá hạn, nhưng không còn gì hơn, và một hộp sữa bột cho đũa bé, đem giấu dưới một góc cây, làm hiệu cho anh ta đến lấy. Ba tuần sau, một buổi trưa, chị vợ đang nấu bếp cơ quan thấy hai chàng thợ vữa đến, vội bước ra, nhìn trước nhìn sau, bảo:

- Cảm ơn hai anh, hôm nay em đã đỡ nhiều. Có xuất cơm trắng và miếng thịt trâu bồi dưỡng em mang cho hai anh giấu ở góc cây kia. Nhớ xem chừng cán bộ bảo vệ, kéo em bị kiểm điểm...

Rời từ đội Xây Dựng, Nguyễn được Linh mục Trần Thanh Cao, giỏi nhạc, đẹp trai, vui vẻ, có quen biết ngoài đời, bốc về đội văn nghệ mới thành lập do ông làm đội trưởng, để tỵ nạn lao động vài tháng, mặc dù chàng dốt đặc về ca vũ nhạc kịch. Nhân tài, cũng cỡ chàng, biệt phái từ các đội. Có ba anh giả ba sơn nữ Phà Ca mang gùi, đeo vòng, lắc lư múa theo bài “Tiếng chày trên sóc Bom Bo”, trông xa, và vì vắng đàn bà lâu ngày, thấy cũng hấp dẫn không thua Thanh Nga. Có tổ cải lương với đầy đủ vai hề, đào thương, kép độc. Đội được lệnh trình diễn giúp vui một phái đoàn thanh tra trung ương. Cha Cao cho Nguyễn vào ban hợp xướng, bè alto ngang phè phè. Ông khuyến khích các ca viên:

- Ăn sắn và hút thuốc Lào mà hát như vậy là được rồi!

Một hôm, trại phó đến thăm. Ban hát đang tập một bài có nhắc tên Hồ Chí Minh và hang Pác Pó, hay ao sen, ao cá gì đó, do cha Cao đặt hòa âm thành bốn bè, mỗi

bè tập riêng. Hấn chăm chú nghe, vui vẻ, rồi bỗng nhăn mặt, gọi cha Cao lại, giận dữ quát:

- Anh bồi bác Cách mạng đây phỏng? Tên Bác kính yêu như thế mà... mà anh dám đòi nà Hô, Hô, Hộ, Hồ như thế thì... thì nà... thì nà anh nếu nào thật!

Cha phân trần, nhưng hấn gạt đi:

- Bỏ, bỏ tất! Bè với không bè!

Lần khác, hấn đến xem tập kịch. Hấn lại nhăn mặt, lại gọi cha Cao, chỉ tay về phía ông trung tá nhà văn trọng tuổi, bút danh Ký Giả Lô Răng, đang đóng vai một cán bộ huyện. Nguyễn đứng gần cha Cao, nghe hấn bảo:

- Thay anh kia cho tôi! Cán bộ cách mạng chúng tôi không bao giờ đi chân thọt! Anh có ý đồ phải không?

Cha Cao ngăn người ra, cứng họng. Bấy giờ, Nguyễn mới nhìn kỹ ông diễn viên xui xẻo. Quả thật, chân bước của ông hơi khập khiễng.

Văn nghệ xong, đội giải tán trong sự tiếc nuối của các nghệ sĩ bất đắc dĩ. Cha Cao đi trông mía. Nguyễn bị hoàn trả về đội xây, đánh vữa trở lại với Đào văn Bảnh.

6. Bất ngờ, lại bị “biên chế” nữa. Các sĩ quan cấp tá và tuyên úy một sáng sớm phải lên đường di chuyển về một nơi nào không rõ. Nguyễn ngồi trong hàng nhìn theo bóng Đại tá Quỳnh và bạn bè, có cả Đại đức Long và cha Cao, làm lùi bước lên xe, mang theo những túi tư trang gọn nhẹ, như chính cuộc đời trống vắng, buồn tênh của đám tù nhân. Lần đó, chàng nghĩ khó còn gặp lại nhau, và tự dung lòng nao nao như mất người thân thuộc.

Năm sau, đội Xây Dựng được trở về K1. Mỗi tối, khi cửa buồng giam đóng lại, từng nhóm tùm năm tùm ba nhỏ to nói chuyện, đánh cờ, uống nước trà, hoặc bàn luận thời cuộc từ những tin tức hiếm hoi, thường phóng đại, do các bà thăm nuôi cung cấp. Thời gian này, Nguyễn được nhóm thân hữu đặt biệt danh “bình luận gia tin tức quốc tế”. Một cách thành thật, tự tin, chàng phân tích theo chiều hướng có lợi, hợp với ước vọng của mọi người, trong khi thực tế có lẽ khác xa. Bọn cán bộ hình như, về sau, cũng muốn thả lỏng, miễn đừng ai phá phách, trốn trại, trốn lao động, hoặc công khai “phản động”. Những giàn ăng-ten bị búng hết, và tù binh có thể phát biểu vung vít, thoải mái, trong nội bộ từng nhóm. Bảy năm rồi còn gì! Đau

khổ đã thành thói quen. Nhớ vợ thương con cũng đã chìm sâu vào tận cuối hồn. Không còn những anh đêm khuya khóc rung rức trong chấn của thời gian đầu xa gia đình êm ấm. Trái tim đã hóa thành đá hết rồi. Giờ đây, phản kháng, dưới hình thức nào đó, bùng lên từ sự chịu đựng cam nín dồn ép qua nhiều năm. Có người khai bệnh nghỉ lao động dài dài. Hoặc giả khùng chửi xéo chế độ. Hoặc còn đập cả vệ binh hỗn láo để rồi, dĩ nhiên, bị biệt giam và hành hạ dã man. Nguyễn bắt đầu để râu, làm tên quân giáo Vinh –nói ngọng, chữ tr thành t, l thành n– rất ngứa mắt, bắt kiểm điểm, nên thấy hấn lón vồn từ xa, chàng bèn lánh mặt.

Trong buồng giam, có một anh, tên Nguyễn Xuân Trung (mà sau này, qua Mỹ, Nguyễn mới biết là cựu SVSQ khoá 1 trường Đại Học CTCT, ra trường khá lâu trước khi chàng được chuyển về Đà Lạt), chuyên chiếu phim, tức kể chuyện, thật hay và duyên dáng. Thay phiên với một chiếu phim viên tài ba khác, Thiếu tá Thiết giáp Đỗ Cao Thượng (chú của Tướng Đỗ Cao Trí). Tối đến, đám tù nhân bu quanh hoặc Trung, hoặc Thượng, người rót trà, mời kẹo, kẻ đâm lưng cho hai anh, để được nghe kể đủ thứ chuyện, từ Cô gái Đồ Long đến La valse dans l'ombre qua Thần điêu đại hiệp. Một anh nữa, Trung úy Phạm Hữu Lý, khóa 2, cũng trường CTCT, bạn đồng tù rất tư cách của Nguyễn, hát nhạc vàng rất mùi. Suốt một đêm giao thừa, Lý ca một hơi hơn một chục bản tình lâm ly, như Chiều mưa biên giới anh đi về đâu hoặc Xuân này nếu con không về, chắc mẹ buồn lắm, làm ai nấy mắt cay sè, muốn khóc. Bọn vệ binh gác cửa, đa số là thanh niên mới lớn, nghệt cổ ra nghe, thậm chí còn bảo “anh nào đó hát nại” vài câu.

7. Đại tá Nguyễn Quốc Quỳnh và hầu hết các nhân vật trong “truyện” này kể trước người sau đã đến bến bờ tự do, trăm người trăm cảnh khác nhau. Từ Portland, thỉnh thoảng Nguyễn gọi ông hay viết thư thăm hỏi. Chàng cũng được tin Đại úy “điếc không sợ súng” Hoàng Bá Linh, Đại úy “quý danh” Nguyễn Ngọc Nhung, Thiếu tá “chàng gươm” Lê Ân, và Trung tá “phụ tá tổ trưởng võ” Đào Văn Bảnh... kể trước người sau đã ra đi, bỏ cuộc chơi và khổ nạn. Cha Trần Thanh Cao, nghe ai nói, đang là cha xứ, quốc doanh, giàu có, của một họ đạo Sài Gòn. Bác sĩ Đặng Phùng Hậu và nhà báo Úc Trai Đỗ Huy Hoàng định cư tại Texas. Còn phi công Nguyễn Hữu Trí không rõ trôi dạt phương nào, cũng như thầy Nguyễn Long.

Mẹ chàng, đã ngoài tám mươi, vẫn còn ở quê nhà, với Huyền Trân và chồng con. Ba mất, không được gặp mặt. Những người em “cải tạo” lần lượt định cư tại các nước, trừ Kha chết trong tù. Cựu tiếp viên Air Vietnam Bội Trân ở vậy, không yêu ai nữa, đúng theo lời thề hứa, trước khi trở thành một nữ tu dòng kín Carmel, giữa tuổi thanh xuân, làm bao nhiêu con tim tan nát. Lê Nga yên ngủ giấc ngàn thu, sau một cơn bạo bệnh, trả hết cho dương gian những si mê và tình yêu mật đắng. Còn chàng, sau bao năm vật vã để vá lại mảnh đời rách nát, đã bắt tay được với hạnh phúc –nhỏ nhoi so với nỗi đau ngút ngàn phải trải qua. Nhưng hồn vẫn chơi vơi theo kỷ niệm chỉ chực òa vỡ mỗi năm vào cuối tháng 4, hoặc mỗi lần nhớ đến mẹ và em từ bên trời cũ, và ở đâu đây tiếng Đại tá Quỳnh, từ Orlando, vang lên trong điện thoại.

Nữ tu Marie-Amélie Bội Trân luôn nhắc Nguyễn hãy quên, hãy tha thứ, tha thứ, tha thứ và nói tất cả chỉ là thử thách Chúa gửi đến. Nhưng đối với bạo quyền Việt Cộng, chàng nói, làm sao tha thứ cho được? Đó là một bọn người tàn ác, phi nhân, đã dìm cả đất nước vào cảnh lầm than, đói khổ, qua ba mươi năm, và bây giờ lại còn đốn mạt bán đất, bán biển cho quan thầy Trung Cộng, kẻ thù và mối họa muôn đời của dân tộc. Hận thù, Nguyễn sẽ không bao giờ quên, mặc ai phỉnh gạt, kêu gào hòa giải hòa hợp. Vì chàng vẫn tin lời viên tổng tài (consul) La Mã, Quintus Arrius, nói với Juda Ben Hur lúc còn là một tù nhân chèo thuyền (galérien) trong cuốn phim cùng tên, Ben Hur– rằng hận thù cho sức mạnh, làm ta luôn tỉnh táo, đề phòng.

Portland, 13 tháng 4 năm 2019
Kim Thanh/Người Lính Già Oregon

Nguồn: <https://viteuu.blogspot.com/2019/04/a-nat-vang-phai.html#more>

www.vietnamvanhien.org



VIỆT NAM VĂN HIẾN

www.vietnamvanhien.info



TỦ SÁCH VĂN HIẾN VỚI HƠN 9800 TÁC PHẨM